Vietnam Tariff Intelligence

Dettaglio SA 9849.37

Codice SA	9849.37
Descrizione	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32:
Unità	
Generato il	18/11/2026 05:03:15
Versione dei dati	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Stato della verifica	Dati tariffari verificati rispetto al file di origine; consigli/corrispondenze indicativi; ammissibilità ALS non verificata.
Link	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/984937/

3 righe tariffarie sotto 9849.37

Codice SA	Descrizione	Unità	Dazio all'importazione ordinario	MFN	VAT
9849.37.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32: / - - Để đo hoặc kiểm tra lưu lượng hoặc mức của chất lỏng: / - - - Dụng cụ đo mức sử dụng cho xe có động cơ, hoạt động bằng điện		0%	0%	Nessun dato
9849.37.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32: / - - Để đo hoặc kiểm tra lưu lượng hoặc mức của chất lỏng: / - - - Dụng cụ đo mức sử dụng cho xe có động cơ, không hoạt động bằng điện		0%	0%	Nessun dato
9849.37.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32: / - - Để đo hoặc kiểm tra áp suất: / - - - Máy đo áp suất sử dụng cho xe có động cơ, không hoạt động bằng điện		0%	0%	Nessun dato

Questo rapporto è a scopo informativo ed è generato dai dati tariffari di origine e dalle regole di consulenza. Non costituisce una decisione doganale e non conferma la classificazione SA, l'ammissibilità all'ALS né la validità giuridica. L'utente deve verificare rispetto alla normativa vigente.